TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Ẩn.**

2. Bà **Nguyễn Thị Mến.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Tiếm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Ánh N**, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện , tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh Lthành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện O, tỉnh Vĩnh Long ngày 12/7/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống làm việc tại tỉnh Bình Dương hơn 03 năm, thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẩn do anh Long có tính ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, anh L nhiều lần đánh đập chị nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ nhau

khoảng 06 tháng nay, hiện chị đã về nhà mẹ ruột ở Hậu Giang sinh sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

Về con chung: Trong thời gian chung chị và anh Nguyễn Thanh L có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/7/2022 hiện đang sống với anh L. Do hiện tại chị N không có công việc, thu nhập ổn định nên chị N đồng ý giao con chung cho L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyệt không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Ánh N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bùi Thị Ánh N trình không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh L đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh Nguyệt vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt và anh Nguyễn Thanh Long vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn anh Nguyễn Thanh L không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia đầy đủ các phiên tòa, phiên họp là vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Ánh N ly hôn với anh Nguyễn

Thanh L.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/7/2022 cho anh Nguyễn Thanh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh N vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh L vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Ánh Nguyệt và anh Nguyễn Thanh L thành hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện O, tỉnh Vĩnh Long ngày 12/7/2022 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị Bùi Thị Ánh N xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh Nguyễn Thanh L không tin tưởng chị, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, anh L nhiều lần đánh đập chị nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 07/2024 đến nay cả hai không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Thanh L nhiều lần đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh L vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N, chứng tỏ anh L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh L đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị N xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị Ánh N và anh Nguyễn Thanh L có 01 con chung tên là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/7/2022 hiện đang sống với anh L . Chị N yêu cầu để anh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung do hiện tại chị

Nguyệt không có nguồn thu thập ổn định nên không đảm bào điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh L đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận hấy cháu Đ từ nhỏ đến nay sống chung với anh L, cháu được anh L và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống của cháu Đ nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/7/2022 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Anh Nguyễn Thanh L là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh N có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81,82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Ánh N được ly hôn

với anh Nguyễn Thanh L.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 15/7/2022 cho anh Nguyễn Thanh L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị Ánh N có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011637 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị N không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 54 ngày 12/7/2022);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thu Nga